

HOSE 13/03/2014

VNINDEX 595.22 5.20 0.88%

KLGD 133,778,877 CP
GTGD 2,311.38 Tỷ
GTR NDTNN - 84.81 Tỷ

CP Tăng giá 154 CP
CP Giảm giá 77 CP
CP Đứng giá 73 CP



HNX 13/3/2014

HNXINDEX 84.15 0.98 1.18%

KLGD 91,254,667 CP
GTGD 879.66 Tỷ
GTR NDTNN - 3.64 Tỷ

CP Tăng giá 150 CP
CP Giảm giá 81 CP
CP Đứng giá 148 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 669.21 5.37 0.81%
HNX30 169.14 2.95 1.78%

Tâm điểm

- ▶ **Đà hưng phấn tiếp tục được duy trì**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá cao**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức 3,100 tỷ đồng.
- ▶ **Hai tháng đầu năm 2014, bội chi NSNN hơn 20,000 tỉ đồng**
Theo thông tin công bố của Bộ Tài chính
PLTP Hồ Chí Minh
- ▶ **Việt Nam xuất siêu sang Pháp hơn hai tỷ euro trong 2013**
Như vậy, quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp tiếp tục tăng trưởng ổn định
Thông tấn xã Việt Nam
- ▶ **Nhà Trắng lạc quan về tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2014-2015**
Theo dự báo của Nhà Trắng, nền kinh tế Mỹ sẽ tăng 3.1% trong năm nay
CNBC
- ▶ **EIB: Năm 2014, đặt kế hoạch lãi trước thuế đạt 1,800 tỷ đồng**
Mức lãi này cao gấp đôi so với thực hiện năm 2013
Công Lý
- ▶ **DLG: Phát hành 10 triệu cp giá 6,000 đồng và 230 tỷ trái phiếu chuyển đổi**
DLG phát hành cp và trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn điều lệ từ 697 tỷ lên 797 tỷ
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,039,253	14.2	3.1	22.3%	11.3%
HNX	130,790	20.6	1.7	8.9%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,170,043	15.1	3.0	21.3%	10.6%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	8,230	7.2	1.0	15.8%	10.5%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,957	8.0	1.8	24.6%	18.1%	
Thép và sản phẩm thép	34,600	17.8	2.0	17.6%	7.1%	
Khai khoáng	12,610	46.2	4.9	3.8%	2.9%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,455	20.2	1.5	15.4%	9.1%	
Xây dựng	32,810	-	41.9	1.2	1.6%	1.5%
Máy công nghiệp	9,602	9.3	1.5	21.5%	12.9%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,193	13.5	1.6	16.7%	12.2%	
Lốp xe	7,142	8.9	2.5	30.2%	13.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	13,648	13.3	1.2	11.9%	5.7%	
Thực phẩm	214,091	24.0	5.5	24.3%	18.2%	
Dược phẩm	16,102	13.0	3.3	26.5%	17.1%	
Phần mềm	18,877	11.6	2.5	23.7%	10.0%	
Sản xuất & phân phối điện	23,292	7.7	1.3	19.2%	9.2%	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	168,752	12.9	4.7	40.0%	25.2%	
Bảo hiểm nhân thọ	34,704	31.7	2.9	9.0%	2.2%	
Môi giới chứng khoán	24,179	22.5	1.4	7.2%	5.2%	
Ngân hàng	262,287	11.7	1.3	11.6%	0.9%	
Bất động sản	150,241	15.5	2.7	26.1%	6.3%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,455	9.6	1.9	21.3%	8.2%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Hai tháng đầu năm 2014, bội chi NSNN hơn 20,000 tỉ đồng

Việt Nam xuất siêu sang Pháp hơn hai tỷ euro trong 2013

Nhà Trắng lạc quan về tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2014-2015

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

MCF: Ước lợi nhuận quý 1 đạt 6.5 tỷ đồng

EIB: Năm 2014, đặt kế hoạch lãi trước thuế đạt 1,800 tỷ đồng

DLG: Phát hành 10 triệu cp giá 6,000 đồng và 230 tỷ trái phiếu chuyển đổi

► Tin kinh tế

Ngày 12-3, Bộ Tài chính cho biết tổng chi NSNN tháng 2 ước 65,710 tỉ đồng, lũy kế chi hai tháng ước 150,070 tỉ đồng, bằng 14.9% dự toán, tăng 4.3% so với cùng kỳ năm 2013. Trong khi đó, biết tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) tháng 2 ước đạt 49,600 tỉ đồng, lũy kế hai tháng đầu năm 2014 ước 129,870 tỉ đồng, bằng 16.6% dự toán, tăng 12.9% so với cùng kỳ của năm 2013. Như vậy, bội chi NSNN tháng 2 ước 16,110 tỉ đồng, lũy kế hai tháng ước 20,200 tỉ đồng, bằng 9% dự toán năm.

Mặc dù kinh tế Pháp gặp nhiều khó khăn trong năm 2013, nhưng xuất khẩu của Việt Nam sang Pháp vẫn giữ được đà tăng trưởng. Năm qua, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Pháp đã đạt 3.5 tỷ euro (tăng 6% so với năm 2012), trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 2.79 tỷ euro, tăng 4% và kim ngạch nhập khẩu đạt 704 triệu euro, tăng 14.7%. Như vậy, Việt Nam xuất siêu sang Pháp đạt hơn 2 tỷ euro, giảm chút ít so với kỷ lục xuất siêu 2.1 tỷ euro năm 2012. Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam vào Pháp vẫn duy trì thị phần hoặc tăng nhẹ từ 1%-4%.

Theo dự báo của Nhà Trắng, nền kinh tế Mỹ sẽ tăng 3,1% trong năm nay, nhanh hơn so với năm 2013 là 1.7% và sẽ tăng lên 3.4% trong năm 2015. Tỷ lệ thất nghiệp cũng sẽ giảm về mức trung bình là 6.9% trong năm 2014. Tháng 1/2014, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ đã giảm xuống còn 6.6%. Nhiều nhà kinh tế học cho biết, tỷ lệ thất nghiệp giảm một phần là do có khá nhiều người dân ngừng tìm kiếm việc làm. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ đã giảm từ hơn 66% trước suy thoái xuống còn 63%.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm (HNX: MCF) công bố Nghị quyết HĐQT về kết quả kinh doanh 2 tháng đầu năm và ước quý 1/2014. Theo đó, trong 2 tháng đầu năm công ty ghi nhận 108.9 tỷ đồng doanh thu và 4.02 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Ước cả quý 1/2014, MCF thực hiện được doanh thu 165 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 6.5 tỷ đồng. Ngoài ra, HĐQT còn phê duyệt đầu tư máy tách màu năng suất 9 - 11 tấn nguyên liệu/giờ và các thiết bị phụ trợ với dự toán 3,615 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT).

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN - Eximbank (HOSE: EIB) đã thống nhất kế hoạch kinh doanh năm 2014 với tổng tài sản 170,000 tỷ đồng, tương đương năm trước. Chỉ tiêu huy động vốn của ngân hàng đề ra ở mức 100,000 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2013. Dự nợ cấp tín dụng cũng dự kiến tăng 23% lên 109,000 tỷ đồng, trong đó dự nợ cho vay đạt 100,000 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%. Lợi nhuận trước thuế của Eximbank dự kiến đạt 1,800 tỷ đồng, cao gấp đôi so với thực hiện năm 2013; cổ tức 8.5%. Được biết, trong năm 2013, lãi trước thuế của ngân hàng chỉ đạt 827 tỷ đồng, riêng quý 4/2013 lỗ trước thuế 328 tỷ đồng.

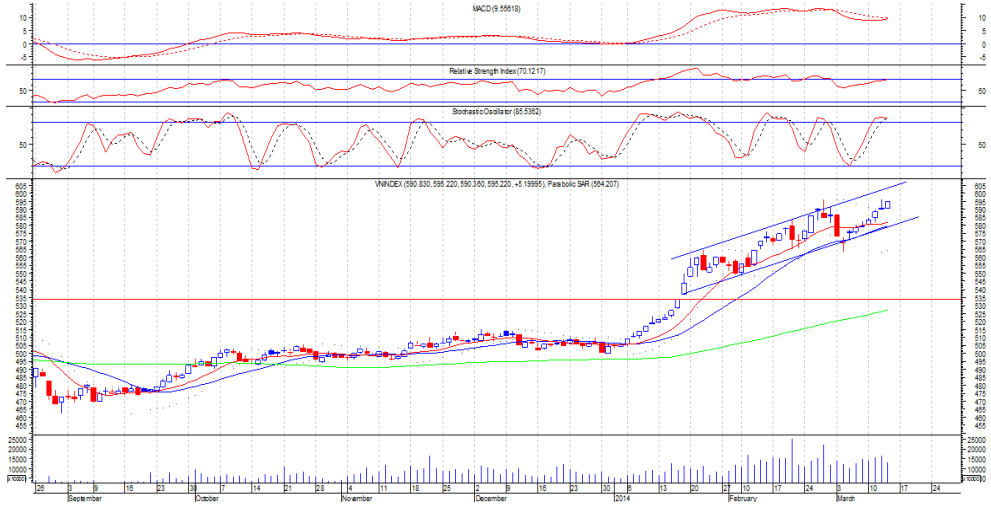
HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HOSE: DLG) thông qua phương án chào bán 10 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá 6,000 đồng/cp, tỷ lệ phân bổ 7:1 (1 cổ phần được 1 quyền mua, 7 quyền mua được mua 1 cổ phần). Bên cạnh đó, HĐQT DLG cũng thống nhất phát hành 2.3 triệu trái phiếu chuyển đổi (TPCĐ) riêng lẻ cho đối tác chiến lược với giá bằng mệnh giá là 100,000 đồng/trái phiếu. TPCĐ này có kỳ hạn 2 năm, lãi suất 10%/năm, tỷ lệ chuyển đổi 1:10 (1 trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu). Số lượng TPCĐ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ khi hoàn thành đợt phát hành, trừ những trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

HOSE 13/03/2014 VNINDEX 595.22 5.20 0.88% 133,778,877 CP 2,311.38 bil VND

Đà hưng phấn tiếp tục được duy trì

VN-Index tăng 5.2 điểm (+0.88%), đóng cửa tại mức 595.22 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, tăng điểm, thân nến dài vừa phải, tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- Tín hiệu MACD Histogram sắp cho tín hiệu mua trở lại. Đây là tín hiệu khá tích cực.
- Stochastic Oscillator dừng đà tăng và nhiều khả năng cho tín hiệu bán vào ngày mai.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 70.
- DI+, DI- gia tăng độ rộng trở lại.
- Chỉ báo Parabolic SAR cho tín hiệu mua trở lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.4 (4.7%)	14,329,690
SSI	1.3 (5.0%)	7,529,130
FLC	0.4 (3.0%)	7,481,560
HAG	0.1 (0.4%)	4,554,300
HQC	0.2 (2.3%)	3,804,560

HOSE Top 5 theo % tăng

CIG	0.3 (7.0%)	145,990
PXL	0.3 (7.0%)	2,920,850
SMA	0.4 (6.9%)	763,940
PPI	0.6 (6.8%)	6,050
MDG	0.4 (6.6%)	128,580

HOSE Top 5 theo % giảm

GIL	-2.1 (-7.0%)	10,040
NHW	-0.8 (-6.8%)	110
GTT	-0.7 (-6.7%)	99,140
LGC	-1.1 (-6.5%)	3,600
CYC	-0.5 (-6.4%)	3,560

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	15,8 tỷ	158,810
CSM	4,8 tỷ	109,500
STB	2,4 tỷ	119,330
SZL	2,1 tỷ	80,000
ITA	2,1 tỷ	232,860

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-35,1 tỷ	1,306,710
VIC	-13,0 tỷ	169,070
DPM	-12,3 tỷ	280,600
BVH	-6,7 tỷ	134,520
KBC	-6,2 tỷ	494,810

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,492,240	- 84.81

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự hưng phấn của thị trường tiếp tục được duy trì khá tốt, nhóm Bluechips và dòng chứng khoán tạo hiệu ứng đẩy đà tăng lan rộng.
- ▶ Khối lượng giao dịch sụt giảm nhẹ và đạt 130 triệu đơn vị khớp lệnh. Giảm xuống dưới mức bình quân 20P.
- ▶ Nhiều khả năng VN-Index có thể tiếp tục tạo đỉnh trong những phiên sắp tới, tuy nhiên áp lực giảm điểm trở lại đang lớn dần khi các trụ đỡ yếu đi.
- ▶ Khối ngoại lại bán ròng trở lại trong phiên hôm nay. Chúng tôi cho rằng đà bán ròng của khối ngoại có thể sẽ vẫn sẽ còn tiếp diễn.
- ▶ NĐT cần nhắc chốt lời lượng hàng về TK nếu thị trường có dấu hiệu yếu đi. Tránh mua đuổi giá. Việc nắm giữ chỉ nên áp dụng với các mã có yếu tố cơ bản tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	85.5	162,022.50	13.1	4.8	40.8%	25.9%
VNM	833.5	146.0	121,686.19	18.0	6.7	39.6%	30.7%
MSN	734.9	99.5	73,123.68	161.9	4.9	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	31.2	72,303.41	16.3	1.7	10.3%	1.0%
VIC	908.8	77.0	69,974.72	10.4	3.9	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	9.2	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.5	46,384.84	10.6	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	51.0	34,704.04	31.7	2.9	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.5	23,421.49	10.3	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	80.5	22,158.28	10.8	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.7	3,419.22	14.4	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.8	7,890.23	4.8	1.5	NA	TH.DOI
PHR	78.5	30.8	2,417.49	6.7	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	82.5	3,751.97	9.5	2.4	NA	TH.DOI
VSC	28.6	70.0	2,005.22	8.3	2.3	NA	TH.DOI
DPM	379.9	44.0	16,717.11	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 13/03/2014 HNX-Index 84.15 0.98 1.18% 91,254,667 CP 879.66 bil. VND

Đà hưng phấn tiếp tục được duy trì

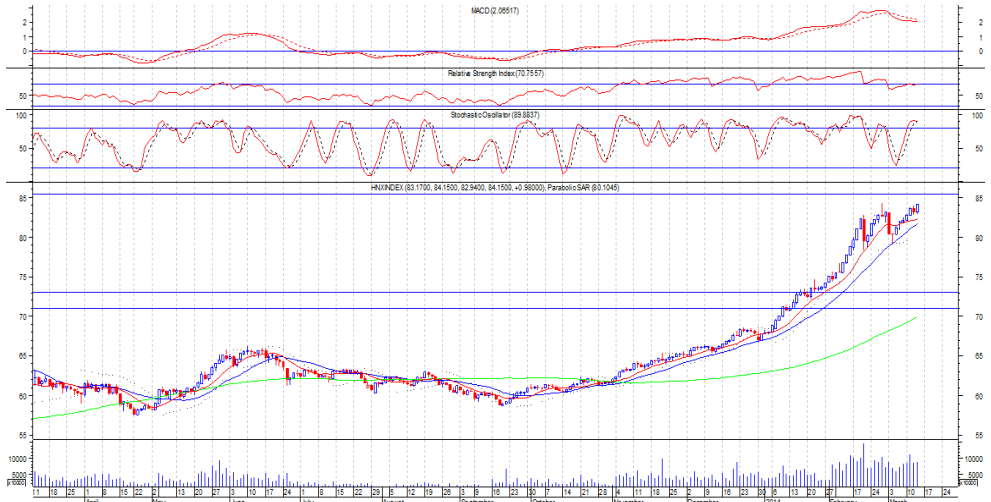
Chỉ số HNX-Index tăng 0.98 điểm (+1.18%), đóng cửa tại mốc 84.15 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài vừa phải, tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- MA10, MA20 tăng nhẹ trở lại. Đường giá đã duy trì trên 2 đường MA10 và MA20. Đây là chỉ báo khá quan trọng.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator nhiều khả năng sẽ cho tín hiệu bán trở lại vào phiên ngày mai.

- MACD cho tín hiệu mua trở lại.

- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 70.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.5 (10.0%)	17,006,440
KLS	0.7 (5.8%)	10,502,170
SHB	0.2 (2.2%)	9,835,400
SCR	0.2 (2.2%)	3,481,950
SHS	0.4 (5.0%)	3,338,620

HNX Top 5 theo % tăng

BVG	0.3 (10.0%)	70,200
DNC	1.1 (10.0%)	7,900
PVX	0.5 (10.0%)	17,006,440
SRA	0.3 (10.0%)	5,900
CSC	1.9 (9.9%)	64,010

HNX Top 5 theo % giảm

C92	-1.5 (-10.0%)	100
HAT	-5.3 (-10.0%)	100
HBE	-0.7 (-9.6%)	2,000
KSK	-1.6 (-9.5%)	732,100
VIE	-0.5 (-9.3%)	1,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

LAS	1,9 tỷ	39,000
VCG	0,9 tỷ	58,800
SHB	0,8 tỷ	88,330
PVL	0,7 tỷ	172,900
SDH	0,5 tỷ	80,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-4,5 tỷ	157,500
KLS	-3,7 tỷ	306,100
PGS	-0,6 tỷ	17,400
VND	-0,5 tỷ	27,500
SD6	-0,3 tỷ	23,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-27,670	- 3.64

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự hưng phấn của thị trường tiếp tục được duy trì khá tốt, nhóm Bluechips và dòng chứng khoán tạo hiệu ứng đẩy đà tăng lan rộng.
- ▶ Khối lượng gia tăng nhẹ và đạt 90 triệu đơn vị khớp lệnh. Nhưng vẫn thấp hơn ngưỡng bình quân 20P.
- ▶ Nhiều khả năng HNX-Index có thể tiếp tục tạo đỉnh trong những phiên sắp tới, tuy nhiên áp lực giảm điểm trở lại đang lớn dần khi các trụ đỡ yếu đi.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT cần nhắc chốt lời lượng hàng về TK nếu thị trường có dấu hiệu yếu đi. Tránh mua đuổi giá. Việc nắm giữ chỉ nên áp dụng với các mã có yếu tố cơ bản tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.5	15,205.00	18.5	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	28.7	12,820.30	8.0	1.6	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	9.5	8,417.79	10.9	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.6	6,890.69	12.4	1.2	10.1%	2.1%
OCH	200.0	32.3	6,460.00	34.7	3.0	8.1%	3.6%
PVI	225.4	19.2	4,327.95	13.2	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	48.4	3,767.07	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	67.9	2,942.65	10.2	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	27.1	2,732.43	9.0	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.3	1,379.40	7.7	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	25.5	504.90	9.3	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.7	1,618.84	12.6	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	67.9	2,942.65	10.2	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	70.0	140.00	3.5	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	52.4	412.65	7.5	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	15.35%	99.5	161.93	4.87	242,785	278,716	295,093
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	14.46%	77.0	10.43	3.94	237,798	209,636	227,187
HPG	HOSE	419.1	21,371.68	11.74%	51.0	11.04	2.27	539,192	515,193	560,929
PVD	HOSE	275.3	22,158.28	8.68%	80.5	10.78	2.23	487,357	419,950	411,396
DPM	HOSE	379.9	16,717.11	8.01%	44.0	7.52	1.79	671,095	800,500	648,309
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	7.98%	27.0	19.61	1.50	5,017,354	5,924,465	3,720,246
VCB	HOSE	2,317.4	72,303.41	6.11%	31.2	16.30	1.65	1,052,634	966,345	1,012,629
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.13%	20.5	10.31	1.37	1,282,464	1,123,091	643,896
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	3.08%	51.0	31.67	2.86	525,535	465,300	492,169
ITA	HOSE	718.1	6,462.67	2.71%	9.0	117.28	0.80	11,932,641	10,612,427	7,925,295
HSG	HOSE	96.3	5,538.00	2.68%	57.5	9.88	2.38	334,767	359,726	343,298
GMD	HOSE	114.4	4,210.72	2.26%	36.8	30.35	0.94	410,701	520,042	483,063
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	2.03%	24.8	4.82	1.46	1,003,639	1,085,309	1,320,350
VSH	HOSE	206.2	3,258.61	1.74%	15.8	16.13	1.25	665,145	900,929	1,045,689
CSM	HOSE	67.3	2,940.66	1.64%	43.7	8.06	2.39	656,375	749,194	734,258
KBC	HOSE	289.8	3,650.98	1.48%	12.6	52.87	0.90	1,515,411	1,816,980	1,284,459
DRC	HOSE	83.1	3,696.79	1.33%	44.5	9.81	2.67	347,213	408,945	374,448
PVT	HOSE	232.6	3,419.22	1.18%	14.7	14.42	1.21	2,420,372	3,213,826	2,443,682
DIG	HOSE	143.0	2,416.63	1.01%	16.9	52.83	1.02	781,171	1,110,452	910,341
OGC	HOSE	300.0	3,780.00	0.91%	12.6	35.48	1.15	3,512,433	3,457,937	2,323,123
PET	HOSE	69.8	1,515.57	0.87%	21.7	9.48	1.22	995,017	1,049,285	826,800

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,820.30	8.04%	28.7	8.02	1.55	2,032,640	2,366,748	2,162,255
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	7.80%	77.0	10.43	3.94	237,798	209,636	227,187
VCB	HOSE	2,317.4	72,303.41	7.65%	31.2	16.30	1.65	1,052,634	966,345	1,012,629
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	7.23%	51.0	31.67	2.86	525,535	465,300	492,169
DPM	HOSE	379.9	16,717.11	6.97%	44.0	7.52	1.79	671,095	800,500	648,309
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	5.98%	20.5	10.31	1.37	1,282,464	1,123,091	643,896
PVD	HOSE	275.3	22,158.28	5.04%	80.5	10.78	2.23	487,357	419,950	411,396
ITA	HOSE	718.1	6,462.67	3.72%	9.0	117.28	0.80	11,932,641	10,612,427	7,925,295
SHB	HNX	886.1	8,417.79	3.47%	9.5	10.89	0.80	10,600,348	11,546,695	6,914,502
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	3.38%	24.8	4.82	1.46	1,003,639	1,085,309	1,320,350
OGC	HOSE	300.0	3,780.00	2.85%	12.6	35.48	1.15	3,512,433	3,457,937	2,323,123
GMD	HOSE	114.4	4,210.72	2.66%	36.8	30.35	0.94	410,701	520,042	483,063
HPG	HOSE	419.1	21,371.68	2.60%	51.0	11.04	2.27	539,192	515,193	560,929
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	2.25%	27.0	19.61	1.50	5,017,354	5,924,465	3,720,246
DRC	HOSE	83.1	3,696.79	1.93%	44.5	9.81	2.67	347,213	408,945	374,448
VCG	HNX	441.7	6,890.69	1.85%	15.6	12.41	1.20	4,449,382	5,130,115	3,299,146
PVX	HNX	400.0	2,200.00	0.00%	5.5	- 0.95	2.47	11,430,835	12,573,278	9,490,053

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	0.00%	77.0	10.43	3.94	237,798	209,636	227,187
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	0.00%	99.5	161.93	4.87	242,785	278,716	295,093
DPM	HOSE	379.9	16,717.11	0.00%	44.0	7.52	1.79	671,095	800,500	648,309
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	0.00%	27.0	19.61	1.50	5,017,354	5,924,465	3,720,246
VCB	HOSE	2,317.4	72,303.41	0.00%	31.2	16.30	1.65	1,052,634	966,345	1,012,629
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.00%	20.5	10.31	1.37	1,282,464	1,123,091	643,896
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	0.00%	51.0	31.67	2.86	525,535	465,300	492,169
CTG	HOSE	3,723.4	62,553.20	0.00%	16.8	9.24	1.16	1,677,757	1,548,206	993,386
GAS	HOSE	1,895.0	162,022.50	0.00%	85.5	13.08	4.84	318,939	417,461	440,400

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,123.68	0.81%	99.5	161.93	4.87	242,785	278,716	295,093
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	0.55%	77.0	10.43	3.94	237,798	209,636	227,187
DPM	HOSE	379.9	16,717.11	0.26%	44.0	7.52	1.79	671,095	800,500	648,309
VCB	HOSE	2,317.4	72,303.41	0.20%	31.2	16.30	1.65	1,052,634	966,345	1,012,629
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.14%	20.5	10.31	1.37	1,282,464	1,123,091	643,896
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	0.10%	51.0	31.67	2.86	525,535	465,300	492,169

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,230	7.2	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,957	8.0	1.8	24.6%	18.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,714	25.6	0.7	2.4%	1.7%
Sản xuất giấy	790	8.7	0.8	10.5%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,600	17.8	2.0	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,105	5.3	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,610	46.2	4.9	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,455	20.2	1.5	15.4%	9.1%
Xây dựng	32,810	41.9	1.2	1.6%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,497	8.3	1.3	18.5%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	496	5.4	1.0	20.4%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,794	11.0	1.0	8.6%	4.5%
Thiết bị điện	1,570	12.3	0.7	-0.9%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	25.6	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,602	9.3	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,920	3.3	0.9	9.1%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,193	13.5	1.6	16.7%	12.2%
Dịch vụ vận tải	5,227	10.2	1.4	16.0%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,047	10.4	1.2	12.4%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	255	59.3	0.7	3.8%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	197	8.7	0.9	11.3%	5.0%
Chất thải & Môi trường	138	2.3	0.7	36.3%	17.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,097	23.4	1.6	16.4%	8.5%
Lốp xe	7,142	8.9	2.5	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,591	8.1	1.3	15.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	236	10.8	1.7	17.9%	12.8%
Đồ uống & giải khát	291	8.0	1.5	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,648	13.3	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	214,091	24.0	5.5	24.3%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	56	110.3	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,396	9.2	1.1	12.8%	5.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	160	4.1	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,165	8.3	1.6	19.0%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,070	10.3	1.7	17.4%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	739	5.9	1.1	-0.7%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,034	23.8	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	142	3.7	1.8	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	165	10.6	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,102	13.0	3.3	26.5%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	312	42.3	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	656	18.4	1.1	12.1%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,723	10.2	1.7	19.2%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,101	8.5	1.0	13.9%	9.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	127	5.6	2.4	52.7%	27.1%
Khách sạn	6,888	37.7	2.9	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,891	17.7	1.5	14.3%	12.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,244	21.0	2.4	17.2%	15.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	58	13.6	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	598	19.7	0.8	3.6%	1.3%
Internet	318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,877	11.6	2.5	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	362	12.2	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	252	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,444	14.8	0.8	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,292	7.7	1.3	19.2%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	168,752	12.9	4.7	40.0%	25.2%
Nước	1,158	6.2	1.2	18.9%	13.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,320	10.9	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,844	11.9	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,702	9.0	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	34,704	31.7	2.9	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,750	35.5	1.2	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	24,179	22.5	1.4	7.2%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	262,287	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	150,241	15.5	2.7	26.1%	6.3%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,455	9.6	1.9	21.3%	8.2%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.